

Số: 289/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ Quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh tại Tờ trình số 14/TTr-HĐQL ngày 16/9/2025, trên cơ sở ý kiến của các Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quyết định: Số 561/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Giang; số 121/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các phường, xã; các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- TT. Tỉnh uỷ, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + Lãnh đạo Văn phòng;
 - + Các phòng VP UBND tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTTH Huân.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Tân Phụng

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh (viết tắt là *Điều lệ*) quy định cụ thể các nội dung về tổ chức và hoạt động của Quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (viết tắt là *Nghị định số 147/2020/NĐ-CP*).

2. Các nội dung khác chưa được quy định tại Điều lệ này thì thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều lệ này áp dụng đối với Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh (viết tắt là *Quỹ*); các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*Vốn hoạt động*" là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của Quỹ tại một thời điểm.

2. "*Vốn điều lệ*" là mức vốn quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

3. "*Vốn chủ sở hữu*" của Quỹ bao gồm vốn điều lệ và tiền đóng góp tự nguyện, các khoản viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các khoản thu khác để hình thành vốn chủ sở hữu.

4. "*Người quản lý Quỹ*" là người giữ các chức danh, chức vụ bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

5. "*Người có liên quan*" là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ.

Điều 4. Tên gọi và nơi đặt trụ sở chính

1. Tên gọi:

a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh.

b) Tên viết tắt: BNDIF.

c) Tên giao dịch quốc tế: BacNinh Development Investment Fund.

2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các Sở, ngành - tại Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.

3. Điện thoại, trang/cổng thông tin điện tử:

a) Điện thoại: 02043.554.507

b) Trang/Cổng thông tin điện tử: <https://qdtpt.bacninh.gov.vn>

Điều 5. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật

1. Quỹ là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, do Ủy ban nhân dân tỉnh (viết tắt là UBND tỉnh) thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cho vay và đầu tư tại địa phương theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP. UBND tỉnh thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. Quỹ chịu sự quản lý toàn diện của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tài chính, các Bộ, ngành trung ương và các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan.

3. Người đại diện pháp luật của Quỹ là Giám đốc.

Điều 6. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Nguyên tắc hoạt động

a) Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước.

b) Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ.

c) Thực hiện cho vay, đầu tư đúng đối tượng và điều kiện theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

d) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ này.

2. Phạm vi hoạt động

a) Huy động vốn trung, dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

b) Cho vay các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

c) Đầu tư các dự án, đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

d) Ủy thác cho vay, đầu tư; nhận ủy thác quản lý các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật và Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

đ) Thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh giao để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Quỹ là 940 tỷ đồng (*Chín trăm bốn mươi tỷ đồng*).

2. Việc điều chỉnh hoặc thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ được thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 35 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06/10/2021 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP (*viết tắt là Thông tư số 86/2021/TT-BTC*).

Điều 8. Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của Quỹ hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định của tổ chức chính trị - xã hội và các quy định pháp luật liên quan.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ; MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA QUỸ ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, CÁC DOANH NGHIỆP VAY VÀ NHẬN VỐN ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Điều 9. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1. Tham mưu xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ hằng năm hoặc trong từng thời kỳ để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua, làm căn cứ để UBND tỉnh quyết định ban hành theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hằng năm của Quỹ để triển khai, thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

3. Hoạt động đầu tư:

a) Quỹ thực hiện hoạt động đầu tư từ nguồn vốn hoạt động, tuân thủ nguyên tắc và hình thức đầu tư theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

b) Đối tượng, điều kiện đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

c) Giới hạn đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

d) Thẩm quyền quyết định đầu tư:

- Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị đến 10% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Quỹ tại thời điểm quyết định đầu tư.

- UBND tỉnh quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị trên 10% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Quỹ tại thời điểm quyết định đầu tư.

- Cấp nào quyết định đầu tư thì có thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; quyết định chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

4. Hoạt động cho vay:

a) Quỹ thực hiện hoạt động cho vay vốn từ nguồn vốn hoạt động, đảm bảo đối tượng và điều kiện, thời hạn cho vay theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

b) Lãi suất cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

c) Thẩm quyền quyết định cho vay:

- Giám đốc Quỹ quyết định đối với dự án cho vay có giá trị dưới 5% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay.

- Hội đồng quản lý Quỹ quyết định đối với dự án cho vay có giá trị từ 5% đến 15% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay.

- Trường hợp đối với dự án cho vay có giá trị lớn hơn 15% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay, Quỹ tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định.

d) Giới hạn cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

đ) Bảo đảm tiền vay: Tùy thuộc vào từng dự án cụ thể, Quỹ xem xét, lựa chọn một, một số hoặc tất cả các biện pháp đảm bảo tiền vay sau đây: Cầm cố, thế chấp tài sản của chủ đầu tư hoặc bên thứ ba; thế chấp tài sản hình thành trong tương lai của dự án vay vốn; bảo lãnh vay vốn của tổ chức tín dụng hoặc tổ chức có chức năng bảo lãnh tín dụng; các biện pháp bảo đảm tiền vay khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và được quy định cụ thể tại Quy chế cho vay, Quy chế xử lý rủi ro cho vay của Quỹ.

e) Việc cho vay hợp vốn thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

g) Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

h) Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

5. Hoạt động huy động vốn:

a) Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước để đầu tư, cho vay theo quy định về đầu tư, cho vay tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

b) Hình thức huy động vốn:

- Vay các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

- Phát hành trái phiếu Quỹ Đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

- Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

c) Nguyên tắc huy động vốn:

- Quỹ huy động vốn theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ.

- Việc huy động vốn được lập thành phương án, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trong đó nêu cụ thể mục đích sử dụng vốn, nguồn trả nợ khi đến hạn.

d) Quỹ được nhận các khoản đặt cọc và ký cược theo quy định của pháp luật có liên quan.

đ) Giới hạn huy động vốn: Tổng mức vốn huy động của Quỹ tối đa bằng 06 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính bán niên tại thời điểm gần nhất.

e) Thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn:

- Trường hợp vay nợ trong nước: Cấp nào quyết định việc đầu tư, cho vay thì cấp đó phê duyệt phương án huy động vốn.

- Trường hợp vay nợ nước ngoài: Trên cơ sở phương án huy động vốn Quỹ xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương, phương án vay nợ nước ngoài gửi Bộ Tài chính xem xét, chấp thuận khoản vay.

- Trường hợp phát hành trái phiếu Quỹ: UBND tỉnh phê duyệt phương án phát hành.

- Trên cơ sở phương án huy động vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Giám đốc Quỹ quyết định các thỏa thuận liên quan đến khoản vay.

6. Hoạt động nhận ủy thác:

a) Quỹ được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư; cho vay và thu hồi nợ; cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn và hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương.

b) Việc nhận ủy thác của Quỹ thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh hoặc hợp đồng nhận ủy thác được ký kết giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác. Quyết định hoặc hợp đồng nhận ủy thác bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2, Điều 32 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Quy chế hoạt động ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ.

c) Việc nhận ủy thác quản lý các quỹ tài chính nhà nước của địa phương thực hiện theo quyết định của UBND tỉnh.

d) Quỹ có trách nhiệm hạch toán tách bạch vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ.

đ) Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

7. Hoạt động ủy thác:

a) Quỹ được ủy thác hoạt động nghiệp vụ cho các tổ chức tín dụng và ngân hàng chính sách thực hiện. Việc ủy thác phải được thực hiện bằng văn bản ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

b) Việc ủy thác phải bảo đảm nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn.

c) Các tổ chức nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức ghi tại văn bản ủy thác. Chi phí sử dụng dịch vụ ủy thác được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

8. Quỹ được thực hiện việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của UBND tỉnh và các quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn và các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh giao để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nhưng không trái với quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ

Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ thực hiện quy định tại Điều 5 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP; Điều 4 và Điều 21 Thông tư số 86/2021/TT-BTC.

Điều 11. Mối quan hệ và trách nhiệm của Quỹ đối với các cơ quan quản lý nhà nước

Quỹ thường xuyên giữ mối liên hệ chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước của Trung ương và địa phương, chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về tài chính, về nghiệp vụ chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ và các quy định pháp

luật liên quan; kịp thời nắm bắt các thông tin cần thiết để tổ chức hoạt động đúng quy định, thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo.

Điều 12. Mọi quan hệ và trách nhiệm của Quỹ đối với các doanh nghiệp vay và nhận vốn đầu tư

1. Quỹ xây dựng mối quan hệ bình đẳng, độc lập, tự nguyện và cùng có lợi với các doanh nghiệp vay và nhận vốn.

2. Mọi quan hệ giữa Quỹ với các doanh nghiệp vay và nhận vốn đầu tư phải được xác lập trên cơ sở hợp đồng, văn bản thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của mỗi bên.

3. Quỹ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với các doanh nghiệp vay và nhận vay đầu tư ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm đã được quy định một cách rõ ràng tại hợp đồng, văn bản ký kết giữa hai bên, quyết định của UBND tỉnh hoặc theo quy định của pháp luật.

4. Quỹ được quyền đưa ra các yêu cầu, đề nghị và biện pháp cần thiết đối với doanh nghiệp vay và nhận vốn đầu tư trong khuôn khổ pháp luật cho phép để đảm bảo việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Các yêu cầu, đề nghị và biện pháp đó phải được quy định một cách rõ ràng và đầy đủ trong hợp đồng, văn bản ký kết giữa các bên.

5. Quỹ được quyền yêu cầu các cơ quan, tổ chức khác hỗ trợ, cung cấp thông tin, tài liệu và điều kiện khác để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA QUỸ

Điều 13. Cơ cấu tổ chức và quản lý

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ, gồm có:

- a) Hội đồng quản lý, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên.
- b) Ban Kiểm soát, gồm: Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên.
- c) Ban điều hành, gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc (là các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Quỹ).

2. Việc quản lý cơ cấu tổ chức bộ máy; quản lý nhân sự đối với người giữ các chức danh, chức vụ (gồm: *Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Quỹ*) thực hiện áp dụng tương tự như quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, nhằm bảo đảm tính thống nhất trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ lãnh đạo trong hệ thống chính trị của tỉnh.

Điều 14. Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý (*viết tắt là HĐQT*) có trách nhiệm giúp UBND tỉnh thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Quỹ; HĐQT có 03 thành viên (*hoạt động kiêm nhiệm*), gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh được phân công phụ trách Quỹ; Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Quỹ; thành viên Hội đồng là Giám đốc Sở Tài chính.

2. Việc kiện toàn, thay đổi số lượng, cơ cấu thành viên HĐQT quy định tại khoản 1 Điều này do UBND tỉnh quyết định phù hợp với tình hình thực tế và quy mô hoạt động của Quỹ theo từng thời kỳ nhưng tối đa không quá 05 người; việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên HĐQT do UBND tỉnh quyết định theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 10 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và các quy định của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đối với tiêu chuẩn chức danh mà đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên HĐQT đang đảm nhiệm tại cơ quan nơi công tác.

4. Việc đánh, giá xếp loại các thành viên HĐQT thực hiện theo kết quả đánh giá xếp loại của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Điều 17 Thông tư 86/2021/TT-BTC.

5. Nhiệm kỳ hoạt động của HĐQT là 05 (năm) năm kể từ ngày thành lập hoặc kiện toàn; các thành viên tham gia HĐQT với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế trên cơ sở quyết định bổ nhiệm lại. Việc kiện toàn HĐQT mới được thực hiện chậm nhất 03 (ba) tháng trước khi HĐQT kết thúc nhiệm kỳ. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà HĐQT mới chưa được kiện toàn thì HĐQT của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình cho đến khi HĐQT mới được kiện toàn và nhận nhiệm vụ.

6. Chế độ phụ cấp, thưởng của HĐQT:

a) Chi phí hoạt động của HĐQT theo quy định được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

b) Các thành viên kiêm nhiệm của HĐQT được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm và tiền thưởng theo quy định hiện hành về chế độ kiêm nhiệm.

7. Các nội dung khác được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của HĐQT Quỹ.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT

1. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn vốn khác được giao theo Quyết định của UBND tỉnh và quy định pháp luật có liên quan.

3. Trình UBND tỉnh quyết định ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

4. Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế xử lý rủi ro cho vay sau khi Giám đốc Quỹ xin ý kiến chấp thuận của UBND tỉnh.

5. Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý Quỹ sau khi UBND tỉnh có ý kiến chấp thuận.

6. Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của HĐQT.

7. Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, bao gồm: Quy chế cho vay; Quy chế quản lý các khoản đầu tư theo hình thức hợp đồng, thực hiện dự án đầu tư; Quy chế quản lý các khoản đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; Quy chế quản lý hoạt động ủy thác và nhận ủy thác; Quy chế huy động vốn; Quy chế thi đua, khen thưởng; Quy chế quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản cố định; các quy chế hoạt động, nghiệp vụ khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ.

8. Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành trong việc chấp hành các chính sách, pháp luật và việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

9. Thông qua kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ để trình UBND tỉnh phê duyệt.

10. Thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay và mức lãi suất cho vay tối thiểu từ nguồn vốn điều lệ của Quỹ để trình UBND tỉnh quyết định.

11. Quyết định hoạt động cho vay, đầu tư, phương án huy động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền của HĐQT.

12. Thông qua Báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ thưởng người quản lý, quỹ khen thưởng, phúc lợi của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát để trình UBND tỉnh phê duyệt.

13. Thông qua Báo cáo xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ để trình UBND tỉnh phê duyệt.

14. Thực hiện cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp của người quản lý, người lao động thuộc Quỹ theo quy định áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương và Sở, ngành tỉnh có liên quan.

15. Quyết định thành lập Hội đồng xử lý rủi ro và xử lý rủi ro theo thẩm quyền tại Quy chế xử lý rủi ro cho vay của Quỹ.

16. Phê duyệt các nội dung công bố thông tin của Quỹ theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 86/2021/TT-BTC.

17. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQL đối với các Quỹ tài chính nhà nước được UBND tỉnh ủy thác quản lý.

18. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công, ủy quyền của UBND tỉnh, quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 16. Chế độ làm việc của HĐQL

1. HĐQL hoạt động theo chế độ tập thể, HĐQL chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật. Mỗi thành viên HĐQL chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

2. HĐQL họp thường kỳ 02 lần/năm để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan. HĐQL có thể họp đột xuất để giải quyết các vấn đề cần thiết, cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQL hoặc theo đề nghị của Phó Chủ tịch HĐQL hoặc Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng ban Kiểm soát Quỹ sau khi được Chủ tịch HĐQL chấp thuận.

3. Cuộc họp của HĐQL được tổ chức dưới hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

4. Các cuộc họp của HĐQL chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên HĐQL tham dự.

5. Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát Quỹ lập văn bản xin ý kiến thành viên HĐQL trong các trường hợp sau:

a) Chưa tổ chức được cuộc họp thường kỳ hoặc họp đột xuất của HĐQL theo quy định.

b) Giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQL mà chưa cần thiết phải tổ chức cuộc họp.

c) Thành viên HĐQL vắng mặt tại cuộc họp.

d) Khi Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát Quỹ xin ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQL.

6. Khi được lấy ý kiến theo quy định tại khoản 5 Điều này, thành viên HĐQL có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đúng thời hạn theo đề nghị hoặc trong vòng 05 ngày làm việc theo thời hạn kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến.

7. HĐQL quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên HĐQL có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của HĐQL có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên HĐQL biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch HĐQL hoặc người chủ trì cuộc họp. Thành viên HĐQL có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

8. Các nội dung thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của cuộc họp HĐQL phải được ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp và

được các đại biểu tham dự cuộc họp (gồm thành viên HĐQT và người được cử dự họp thay thành viên HĐQT, nếu có) cùng ký xác nhận. Các kết luận của HĐQT được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định của HĐQT và phải được gửi tới tất cả các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành của Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

9. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có tính chất bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của UBND tỉnh, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm chấp hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Điều 17. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát giúp UBND tỉnh và HĐQT kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu và việc quản lý điều hành tại Quỹ. Ban Kiểm soát có tối đa 03 thành viên (*hoạt động chuyên trách*), gồm: Trưởng ban Kiểm soát và 02 thành viên. Trưởng ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, HĐQT về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.

2. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng ban Kiểm soát do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo đề nghị của HĐQT.

3. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Thành viên Ban Kiểm soát theo đề nghị của HĐQT.

4. Việc đánh giá, xếp loại đối với Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo Điều 17 Thông tư số 86/2021/TT-BTC và các quy định của UBND tỉnh về công tác cán bộ có liên quan.

5. Nhiệm kỳ của Trưởng ban Kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm (60 tháng) và có thể được bổ nhiệm lại.

6. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Trưởng ban Kiểm soát:

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát quy định tại khoản 7 Điều này.

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng.

c) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của UBND tỉnh và quy định của pháp luật có liên quan.

7. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại thành viên Ban Kiểm soát:

a) Là công dân Việt nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 02 (hai) năm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng.

c) Có sức khỏe tốt, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành pháp luật.

d) Không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành của Quỹ; không là người có liên quan của người quản lý Quỹ.

đ) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định pháp luật.

e) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của UBND tỉnh và quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

8. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế, quy định có liên quan, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của HĐQT, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật. Trình bày báo cáo, kiến nghị của mình về kết quả kiểm soát, kết quả thẩm định tại các cuộc họp của HĐQT nhưng không tham gia biểu quyết.

d) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, báo cáo HĐQT xem xét, trình UBND tỉnh ban hành. Quy chế hoạt động gồm các nội dung cơ bản sau: Chế độ hoạt động; mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát Quỹ với các tổ chức, cá nhân có liên quan; trách nhiệm, quyền hạn của Ban Kiểm soát, Trưởng ban, các thành viên Ban Kiểm soát và các nội dung khác liên quan.

đ) Lập kế hoạch hoạt động hàng năm trình HĐQT phê duyệt và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra trước HĐQT; thực hiện nhiệm vụ khác do HĐQT và UBND tỉnh giao.

e) Được sử dụng con dấu của Quỹ cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.

g) Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát được hưởng tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác theo chế độ Kiểm soát viên tại cơ chế tiền lương, tiền thưởng, thù lao của đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

Điều 18. Giám đốc

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, HĐQT và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ, bao gồm:

- a) Theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.
- b) Căn cứ tình hình thực tế, quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật, Giám đốc Quỹ báo cáo đề xuất UBND tỉnh việc kiện toàn HĐQT.
- c) Quyết định cho vay, phương án huy động vốn theo thẩm quyền tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 9 Điều lệ này.
- d) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến điều hành công việc hàng ngày của Quỹ; chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước UBND tỉnh, HĐQT; ký các văn bản thuộc phạm vi điều hành của Giám đốc Quỹ.
- đ) Ban hành theo thẩm quyền các quy định, quy trình nội bộ để tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo phân cấp của HĐQT.
- e) Thực hiện quản lý lao động, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp đối với người quản lý, người lao động theo quy định.
- g) Đề xuất và trình HĐQT đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.
- h) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý, UBND tỉnh, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành trung ương và Sở, ngành tỉnh có liên quan.
- i) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do UBND tỉnh, HĐQT phân công, ủy quyền nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này.

3. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc Quỹ thực hiện theo các quy định của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đối với cán bộ lãnh đạo cấp trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh và đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 3, Điều 12 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

Điều 19. Phó Giám đốc

- 1. Phó Giám đốc có nhiệm vụ giúp Giám đốc điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
- 2. Số lượng Phó Giám đốc Quỹ không quá 03 người và có thể thay đổi, do UBND tỉnh quyết định tại từng thời điểm, phù hợp với tình hình thực tiễn quy mô hoạt động của Quỹ và quy định về công tác cán bộ của UBND tỉnh.
- 3. Nhiệm kỳ của Phó Giám đốc là 05 năm (60 tháng) và có thể được bổ nhiệm lại. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và trình tự, thủ tục được thực hiện tương tự quy định về công tác cán bộ lãnh đạo cấp phó đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 5 Điều này.

4. Việc đánh giá, xếp loại đối với Phó Giám đốc thực hiện theo Điều 17 Thông tư số 86/2021/TT-BTC, các quy định của UBND tỉnh về công tác cán bộ có liên quan.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Giám đốc:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, hành chính công, kế toán, kiểm toán hoặc ngành, chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm của Quỹ.

c) Không là người có liên quan với người quản lý Quỹ.

d) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định pháp luật.

đ) Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

e) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của UBND tỉnh và Điều lệ này.

Điều 20. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp HĐQT và Giám đốc giám sát tài chính tại Quỹ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước HĐQT, Giám đốc Quỹ và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác theo quy định Luật Kế toán năm 2015; văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản hướng dẫn (nếu có).

2. Kế toán trưởng phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều 54 Luật Kế toán năm 2015 và Điều 19 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán năm 2015, cụ thể:

a) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

b) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trung cấp trở lên.

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng.

d) Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên; ít nhất là 03 năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.

đ) Không thuộc các trường hợp không được làm kế toán theo quy định.

3. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Kế toán trưởng do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo đề nghị của HĐQT. Việc đánh giá, xếp loại Kế toán trưởng thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 86/2021/TT-BTC và quy định của UBND tỉnh về công tác cán bộ.

Điều 21. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc là các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Quỹ có chức năng tham mưu, giúp việc và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do HĐQT và Giám đốc Quỹ giao; bao gồm các phòng, đơn vị trực thuộc với tên gọi dưới đây:

- a) Văn phòng.
- b) Phòng Kế hoạch - Tài chính.
- c) Phòng Đầu tư.
- d) Phòng Quản lý vốn ủy thác.
- đ) Phòng Quản trị rủi ro.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các phòng, đơn vị trực thuộc Quỹ (*sau đây gọi chung là phòng*) do Giám đốc Quỹ quyết định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ được giao và không trái với các quy định khác của pháp luật.

3. Giám đốc Quỹ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và chức vụ tương đương thực hiện áp dụng tương tự theo các quy định của UBND tỉnh đối với lãnh đạo cấp phòng và tương đương của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Quỹ:

a) Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học trở lên; có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm; có kinh nghiệm làm việc ở vị trí việc làm tương ứng với vị trí việc làm của Trưởng, Phó Trưởng phòng và tương đương từ 02 năm trở lên.

b) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của UBND tỉnh, quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

5. Tuyển dụng, quản lý và sử dụng viên chức, người lao động:

Việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng viên chức, người lao động làm việc tại Quỹ thực hiện theo quy định của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Nội vụ, đề án vị trí việc làm của Quỹ được phê duyệt và Quy chế tuyển dụng, quản lý, sử dụng viên chức, người lao động làm việc tại Quỹ do HĐQT Quỹ ban hành.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN; BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN; GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 22. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP; Điều 9, Điều 10 và Điều 13 Thông tư số 86/2021/TT-BTC.

Điều 23. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

Chế độ báo cáo và công bố thông tin của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP; Điều 12 và Điều 14 Thông tư số 86/2021/TT-BTC.

Điều 24. Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động

Việc giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP; Điều 5, Điều 15, Điều 16 và Điều 17 Thông tư số 86/2021/TT-BTC.

Chương V

XỬ LÝ TRANH CHẤP, CƠ CẤU LẠI, GIẢI THỂ

Điều 25. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 26. Cơ cấu lại

1. Việc cơ cấu lại Quỹ do UBND tỉnh quyết định theo đề nghị của HĐQT sau khi được HĐND tỉnh thông qua đề án.

2. Căn cứ vào tình hình hoạt động của Quỹ trong từng giai đoạn, Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý thông qua, trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt cơ cấu lại, thành lập mới các đơn vị, phòng chuyên môn nghiệp vụ và tương đương thuộc bộ máy quản lý, điều hành của Quỹ.

Điều 27. Giải thể

Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại các Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 46 và Điều 47 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và văn bản pháp luật có liên quan.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư, cho vay đã được quyết định đầu tư, ký kết hợp đồng trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quyết định, hợp đồng đã ký kết cho đến khi kết thúc dự án, hợp đồng được thanh lý. Trường hợp sửa đổi, bổ sung các quyết định, hợp đồng đã ký thì thực hiện theo quy định của Điều lệ này.

2. Đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý (*quy định tại Khoản 2, Điều 13 Điều lệ này*) đã được cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo quy định tại Điều lệ này thì được tiếp tục thực hiện theo quyết định đó cho đến hết thời hạn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành phải đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành Quỹ và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Điều lệ này.

2. Sau khi Điều lệ được ban hành, HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Quỹ có trách nhiệm xây dựng các quy chế, quy trình hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định. Trong thời gian chưa ban hành mới các quy chế, quy trình, Quỹ thực hiện theo các quy định tại Điều lệ này và văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có những vấn đề mới phát sinh cần phải sửa đổi, bổ sung, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm báo cáo HĐQT trình UBND tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật./.